



MỘT SỐ GIẢI PHÁP KIỂM CHẾ LẠM PHÁT, ỔN ĐỊNH KINH TẾ VĨ MÔ

VŨ VĂN NINH *

Theo nhiều dự báo, tình hình kinh tế, giá cả thế giới sẽ tiếp tục có diễn biến phức tạp tác động không nhỏ đến quan hệ cung - cầu, gây khó khăn cho việc kiểm soát lạm phát và ổn định các cân đối vĩ mô nền kinh tế ở nước ta. Vấn đề đặt ra là dưới sự chỉ đạo sát sao của Chính phủ, các ngành, các cấp cần nghiêm túc thực hiện kiểm chế lạm phát có hiệu quả và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững.

TRIỂN khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X, toàn Đảng và toàn dân ta đã chung sức phấn đấu thực hiện phương hướng, mục tiêu và nhiệm vụ phát triển kinh tế đất nước giai đoạn 2006 - 2010.

Đến nay, nhìn lại hơn nửa chặng đường thực hiện nhiệm vụ 5 năm nói trên, nước ta đã đạt được nhiều thành tựu cơ bản về kinh tế - xã hội như: kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng cao; chính trị - xã hội ổn định; nền kinh tế đã hội nhập quốc tế sâu rộng; vị thế đất nước ta được nâng lên rõ rệt và Việt Nam trở thành địa chỉ đầu tư tin cậy của các nhà đầu tư nước ngoài; thị trường xuất khẩu chính giữ vững và mở rộng... Bên cạnh đó, cũng xuất hiện những khó khăn, thách thức cả bên trong và bên ngoài tác động tới nền kinh tế, đẩy chỉ số giá tiêu dùng tăng cao từ cuối năm 2007 đến nay. Chỉ số giá tiêu dùng năm 2007 tăng 12,63%, tháng 5-2008 so với tháng 12-2007 tăng 15,96% đã

tác động bất lợi đến sản xuất và đời sống nhân dân, nhất là ở các vùng chịu ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh, người làm công ăn lương, người lao động ở các khu công nghiệp và bộ phận dân cư có thu nhập thấp.

Vì vậy, kiểm soát lạm phát, kiểm chế tốc độ tăng giá tiêu dùng, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội và tăng trưởng bền vững là nhiệm vụ trọng tâm của Chính phủ, các bộ, ngành, doanh nghiệp, người dân và cả hệ thống chính trị trong tình hình hiện nay.

1 - Nhận diện nguyên nhân lạm phát

Lạm phát như biểu hiện vừa qua có nguyên nhân sâu xa và nguyên nhân trực tiếp. Những

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Tài chính

yếu kém vốn có của nền kinh tế đã dồn tích từ nhiều năm nhưng chậm được xử lý, khắc phục, đến thời điểm nền kinh tế chịu những tác động bất lợi từ kinh tế thế giới (giá năng lượng tăng cao, kinh tế thế giới suy giảm...) cộng hưởng với tác động bất lợi kinh tế trong nước (thiên tai dồn dập cuối năm 2007, đầu 2008, tập trung vào những vùng trọng điểm khó khăn; dịch bệnh kéo dài trên diện rộng) thì lạm phát mới bộc lộ. Những nguyên nhân chủ yếu là:

a - Nguyên nhân sâu xa:

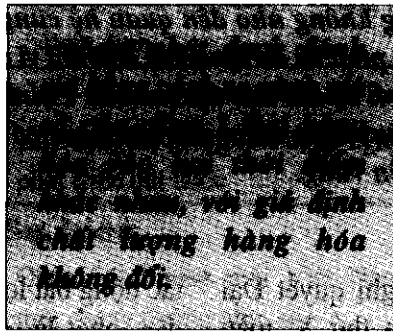
- Trình độ phát triển, chất lượng, hiệu quả của nền kinh tế thấp, sức cạnh tranh chưa cao. Theo xếp hạng của Diễn đàn kinh tế thế giới năm 2007, nước ta ở nhóm trung bình thấp về sức cạnh tranh trong số 131 quốc gia được đánh giá, vị trí 68/131 (Trung Quốc đứng thứ 34, Xin-ga-po: 7, Thái Lan: 28), trong khi độ mở của nền kinh tế lớn xét về cả đầu ra - kim ngạch xuất nhập khẩu tính trên GDP bằng 150% (Trung Quốc là 63%). Vì vậy, nền kinh tế dễ bị tổn thương khi thị trường thế giới có những biến động bất lợi về giá cả, cung cầu, tăng trưởng kinh tế.

- Chất lượng, hiệu quả của nền kinh tế còn thấp. Cơ cấu kinh tế chậm cải thiện; công nghiệp khai thác tài nguyên và gia công vẫn chiếm tỷ trọng lớn, công nghiệp phụ trợ chậm phát triển, phần lớn vật tư, nguyên liệu trung gian cho sản xuất phải nhập khẩu; giá trị gia tăng sản xuất công nghiệp thấp.

- Chính sách tiền tệ nới lỏng trong nhiều năm dẫn đến tăng tổng phương tiện thanh toán gây sức ép lạm phát lên nền kinh tế.

- Chính sách tài chính nới lỏng trong nhiều năm, lấy tăng đầu tư là động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế (tổng vốn đầu tư xã hội trên GDP các năm 2000 - 2005 ở mức bình quân 37,5% GDP, năm 2006 và 2007 khoảng 40%

GDP) chưa đi liền với nâng cao chất lượng và hiệu quả đầu tư. Tình trạng đầu tư dàn trải, nhiều công trình dở dang, chậm đưa vào khai thác, sử dụng, kém hiệu quả khá phổ biến và kéo dài nhiều năm ở cả trung ương và địa phương nhưng chậm được khắc phục. Hệ số ICOR của nền kinh tế cao: chỉ số ICOR của nước ta trong giai đoạn: 2001 - 2006 khoảng 4,4 (của Trung Quốc giai đoạn 2000 - 2006 là 4,0; của một số nước khu vực ASEAN: Thái Lan, Xin-ga-po... là 3 - 3,5). Điều đó thể hiện các chi phí đầu vào (cả chi phí trực tiếp và chi phí trung gian) để đầu tư cao nhưng hiệu quả đầu tư kém, hiệu quả sản xuất kinh doanh thấp. Tỷ trọng chi phí nguyên nhiên vật liệu trên 1 đơn vị sản phẩm lớn, ví dụ: chi phí tiêu thụ điện để sản xuất ra 1 USD GDP của nước ta: 1,02 kwh, trong khi Thái Lan: 0,761 kwh; Phi-lip-pin: 0,512 kwh; Hồng Kông: 0,22 kwh. Đây là nguyên nhân quan trọng đẩy chi phí thực của nền kinh tế



Việt Nam tăng cao hơn các nước.

- Nhu cầu tiêu dùng xã hội tăng cao, thể hiện ở tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội giai đoạn 2000 - 2007 tăng bình quân trên 20%/năm (năm 2006: tăng 20,8%; 2007: tăng 25,1%; 4 tháng đầu năm 2008: tăng 29,5%); nếu trừ yếu tố tăng giá thì tốc độ tăng vẫn trên 10%/năm; Nhà nước điều chỉnh chính sách tiền lương, trợ cấp cho cán bộ công nhân viên chức, lực lượng vũ trang, người về hưu, gia đình chính sách.

- Năng lực kiểm tra, giám sát, dự báo và cảnh báo, phát hiện và đề xuất các chính sách vĩ mô (tiền tệ, tài chính, cung cầu) của các bộ, ngành tổng hợp chậm được tăng cường, không theo kịp tình hình khi nền kinh tế chuyển mạnh sang hoạt động theo cơ chế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế. Hệ thống thông tin,

dữ liệu phục vụ việc hoạch định chính sách còn yếu và chưa đủ độ chuẩn xác.

b - Nguyên nhân trực tiếp:

- Nửa cuối năm 2007 đầu năm 2008, giá dầu thô, nguyên liệu cơ bản, lương thực thực phẩm thiết yếu tăng cao (4 tháng đầu năm 2008 so với cùng kỳ năm 2007, giá xăng dầu thế giới đã tăng 51,24%, phôi thép tăng 43%, phân bón tăng 67%, giá ngô tăng 31%, đậu tương tăng 87%, lúa mì tăng 130%...), trong khi đó 70% nhập khẩu của Việt Nam là các mặt hàng nguyên nhiên vật liệu, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất trong nước; nhiều mặt hàng có tỷ trọng nhập khẩu cao như: xăng dầu (100%), phôi thép (65% - 70%), nguyên liệu sản xuất thuốc (60%)..., phụ thuộc hoàn toàn vào giá thế giới. Sự nhập khẩu lạm phát từ kênh nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ cho nền kinh tế là khá rõ trong 2 năm qua.

- Dòng vốn nước ngoài qua đầu tư trực tiếp, gián tiếp vào Việt Nam cao hơn những năm trước đây, trong khi khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế chưa tốt, đã gây sức ép tăng tổng phương tiện thanh toán và làm biến động tỷ giá hối đoái. Việc gia tăng dư nợ của các tổ chức tín dụng cũng là nguyên nhân làm tăng lượng tiền cung ứng. Việc chống đầu cơ, đồng thời tháo gỡ vướng mắc cho sự phát triển lành mạnh thị trường bất động sản còn chưa có hiệu quả nên giá cả bất động sản; nhất là ở các đô thị lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh đã ở mức quá cao, vượt xa hơn nhiều giá trị thực, gây cản trở phát triển thị trường bất động sản lành mạnh, phát triển công nghiệp và góp phần tăng thêm tình hình lạm phát.

- Giá một số hàng hóa dịch vụ được duy trì ở mức "bao cấp", thấp hơn giá thành sản xuất trong thời gian dài, nhất là các vật tư hàng hóa là đầu vào của nền kinh tế (so với giá thành, giá bán điện sinh hoạt 100Kw đầu tiên bằng 64,21%; giá bán dầu đi-ê-zen bằng khoảng 76%; than cho sản xuất điện bằng 52% - 56%; than cho sản xuất xi-măng, phân bón, giấy bằng khoảng 64% - 82%...); nhiều loại có giá

thấp hơn các nước (giá điện bằng 62% của Thái Lan, 40% của Xin-ga-po, 30% của Phi-lip-pin; giá dầu đi-ê-zen bằng 82% của Xin-ga-po, 91% của In-đô-nê-xi-a, 85% của Lào, Cam-pu-chia...). Do vậy, khi giá thị trường thế giới tăng cao, đòi hỏi phải điều chỉnh giá trong nước, để thực hiện lộ trình giá thị trường thì mức độ điều chỉnh lại lớn đã tác động mang tính dây chuyền đến giá cả hàng hóa dịch vụ khác.

- Tính liên kết giữa sản xuất lưu thông và thị trường lỏng lẻo; hạ tầng thương mại chưa phát triển, hệ thống phân phối yếu kém, nhiều tầng nấc khó kiểm soát. Yếu tố tâm lý, sự kỳ vọng lạm phát đã tác động mạnh đến thị trường, gây tác động tăng giá dây chuyền.

- Thiên tai, dịch bệnh diễn biến phức tạp gây thiệt hại về đàn gia súc, gia cầm, rau màu... làm giảm nguồn cung, gây tăng giá.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, giải thích tình hình không kịp thời, nhất là trong những trường hợp ban hành các chính sách, giải pháp mới có tính nhạy cảm, ảnh hưởng đến lợi ích của nhân dân và nhà đầu tư, gây tâm lý lo lắng trong xã hội.

2 - Mục tiêu và giải pháp chống lạm phát trong thời gian tới

Nhận định về tình hình kinh tế - xã hội quý I/2008, Bộ Chính trị đã kết luận: "Mục tiêu ưu tiên hàng đầu hiện nay là kiềm chế lạm phát, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, đồng thời duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý, đặc biệt quan tâm tới an sinh xã hội, hỗ trợ, giúp đỡ người nghèo, người làm công ăn lương chịu ảnh hưởng nhiều của lạm phát, để những năm tới tiếp tục phấn đấu đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn, cải thiện đời sống nhân dân, thực hiện thắng lợi mục tiêu Đại hội X đề ra cho cả nhiệm kỳ".

Bộ Chính trị đã đề ra 6 nhóm giải pháp cơ bản, toàn diện kiểm soát lạm phát liên quan đến các lĩnh vực: chính sách tài chính, chính sách tiền tệ, quản lý thị trường chứng khoán và

thị trường bất động sản; quản lý thị trường, giá cả; bảo đảm cân đối cung cầu hàng hóa phục vụ cho sản xuất và đời sống nhân dân; xuất khẩu, kiểm soát và hạn chế nhập siêu; tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, thúc đẩy sản xuất phát triển, tăng cường các chính sách an sinh xã hội, bảo đảm đời sống nhân dân; công tác tư tưởng, công tác tuyên truyền.

Những nội dung chỉ đạo trên đây đã và đang được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp, nhân dân triển khai thực hiện trong cuộc sống. Chúng ta có thể tin tưởng rằng với quyết tâm chính trị và kinh nghiệm điều hành vĩ mô rút ra từ những bài học thực tiễn vừa qua, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, đất nước ta hoàn toàn có khả năng vượt qua những khó khăn trước mắt hiện nay, kiểm chế được lạm phát, duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, tạo đà cho việc phát triển kinh tế ổn định, bền vững trong các năm tiếp theo.

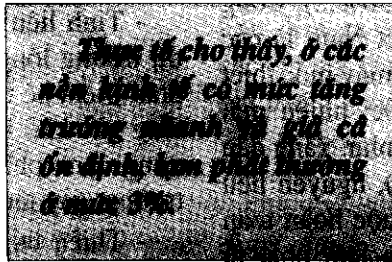
Để thực hiện được mục tiêu ưu tiên hàng đầu là kiểm soát lạm phát, kiểm chế tốc độ tăng giá tiêu dùng, cần tổ chức triển khai có hiệu quả, sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại các văn bản số 75/TTg-KTTH ngày 15-01-2008, số 319/TTg-KTTH ngày 03-3-2008 về tăng cường các biện pháp kiểm chế lạm phát năm 2008; Công văn số 481/TTg-KTTH ngày 31-3-2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường các giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu, kiểm chế nhập siêu và bảo đảm cân đối, quản lý giá cả các mặt hàng thiết yếu; Nghị quyết số 10/2008/NQ-CP ngày 17-4-2008 của Chính phủ về các biện pháp kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội và tăng trưởng bền vững.

Bên cạnh nhấn mạnh việc thực hiện đồng bộ các chính sách về tiền tệ, xuất nhập khẩu, phát triển sản xuất, thu nhập, ở đây tôi xin nhấn mạnh trọng tâm của chính sách tài chính

để góp phần kiểm soát lạm phát trong thời gian tới:

Một là, thực hiện chính sách tài chính hiệu quả nhằm góp phần phát triển sản xuất, bảo đảm cân đối cung cầu hàng hóa, dịch vụ.

Bộ Tài chính phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, các doanh nghiệp, Ủy ban nhân dân các tỉnh tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về cơ chế tài chính để đẩy mạnh sản xuất, tạo ra nhiều nguồn hàng bảo đảm cân đối cung cầu, đẩy mạnh xuất khẩu, giảm nhập siêu. Hướng dẫn triển khai đầy đủ, kịp thời các chính sách mà Thủ tướng Chính phủ đã quyết định về việc hỗ trợ khôi phục sản xuất nông nghiệp từ Bình Thuận trở ra



do vừa qua bị thiệt hại bởi bão lũ, rét đậm, rét hại (hỗ trợ về giống, hỗ trợ phục hồi chăn nuôi). Ủy ban nhân dân các tỉnh chuẩn bị nguồn lực tài chính từ tăng thu năm 2007, từ tiết kiệm chi ngân sách... tăng dự trữ quốc gia, tăng dự trữ hàng hóa thiết yếu ở những địa bàn khó khăn, chủ động phòng chống thiên tai, dịch bệnh; triển khai đúng các quyết định của Chính phủ về miễn giảm thủy lợi phí; chỉ đạo các doanh nghiệp nhà nước thực hiện vai trò chủ đạo, bảo đảm nguồn cung hàng hóa, dịch vụ; giữ vững an ninh năng lượng, an ninh lương thực... Không để thiếu các mặt hàng chiến lược, thiết yếu trên phạm vi cả nước (điện, xăng dầu, lương thực - thực phẩm, vật liệu xây dựng, vật tư nông nghiệp...).

Hai là, phấn đấu tăng thu, thắt chặt chi tiêu, nâng cao hiệu quả chi ngân sách. Cụ thể:

+ Tiếp tục chỉ đạo thu ngân sách thực hiện vượt dự toán đã được Quốc hội giao khoảng 5%, tăng dự phòng để chi cho khắc phục thiên tai, an sinh xã hội.

+ Tiếp tục điều hành chính sách tài khóa theo hướng tiết kiệm 10% chi thường xuyên trong dự toán ngân sách nhà nước năm 2008, tập trung tiết kiệm xăng, dầu, điện, nước, hội

hợp, tiếp khách, đi công tác nước ngoài bằng tiền ngân sách nhà nước.

+ Tiếp tục thực hiện các biện pháp nâng cao hiệu quả vốn đầu tư từ ngân sách; kiểm soát chặt chẽ đầu tư của các doanh nghiệp nhà nước, nhất là đầu tư vào các dự án không thuộc lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính của doanh nghiệp. Tập trung thực hiện việc rà soát danh mục các dự án, công trình sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, trên cơ sở đó thực hiện các biện pháp đã nêu trong Quyết định số 390/QĐ-TTg ngày 17-4-2008 của Thủ tướng Chính phủ. Sau thời hạn quy định, bộ, cơ quan trung ương và địa phương nào chưa có báo cáo rà soát, Bộ Tài chính sẽ dừng việc thanh toán vốn cho các dự án, công trình.

+ Thực hiện việc cắt giảm, sắp xếp lại vốn đầu tư xây dựng cơ bản trong kế hoạch năm 2008 từ nguồn ngân sách nhà nước (cắt giảm 25% kế hoạch vốn đầu tư từ trái phiếu Chính phủ), tín dụng đầu tư nhà nước và đầu tư của các doanh nghiệp nhà nước, trước hết là các công trình đầu tư kém hiệu quả, các công trình chưa thực sự cấp thiết. Thực hiện việc rà soát chặt chẽ các hạng mục đầu tư để cắt bỏ các công trình đầu tư kém hiệu quả, tập trung vốn cho những công trình sắp hoàn thành, những công trình đầu tư cho sản xuất hàng hóa thuộc mọi thành phần kinh tế để đẩy nhanh tiến độ, sớm đưa vào sản xuất.

+ Thực hiện chủ động, linh hoạt trong việc sử dụng công cụ thuế, tăng thuế xuất khẩu đối với nguyên liệu thô. Điều chỉnh tăng thuế nhập khẩu đối với một số mặt hàng tiêu dùng không thiết yếu, như ô-tô nguyên chiếc, linh kiện lắp ráp ô-tô dưới 12 chỗ ngồi, một số mặt hàng điện tử, điện lạnh, xe và linh kiện lắp ráp xe hai bánh gắn máy, rượu, bia để thực hiện mục tiêu giảm nhập siêu nhưng vẫn bảo đảm

phù hợp với cam kết hội nhập; kiến nghị điều chỉnh cơ chế, chính sách về thuế, áp dụng các hàng rào kỹ thuật và các biện pháp khác cần thiết, phù hợp với các cam kết quốc tế để hạn chế các mặt hàng thuộc diện không khuyến khích nhập khẩu.

+ Tiếp tục thực hiện đầy đủ và có hiệu quả chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số, hộ thuộc diện chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quyết định số 289/QĐ-TTg ngày 18-3-2008 của Thủ tướng Chính phủ. Bãi bỏ các loại phí thu bất hợp lý, trái pháp luật từ khu vực nông nghiệp, nông thôn, nông dân.

+ Tiếp tục giữ ổn định giá đến hết tháng 6-2008 đối với các mặt hàng thiết yếu, như điện, than, xăng dầu, xi-măng, phân bón, nước sạch, thuốc chữa bệnh, vé máy bay, tàu hỏa, vé xe buýt; giữ ổn định mức thu học phí, viện phí. Tùy diễn biến của tình hình trong nước và thế giới, sau tháng 6-2008 sẽ có lộ trình điều hành giá thích hợp.

+ Bộ Tài chính cùng các bộ, các ngành, các địa phương tiếp tục thành lập các đoàn kiểm tra việc chấp hành pháp luật nhà nước về giá, kiểm tra, kiểm soát thị trường; chống buôn lậu, gian lận thương mại, đầu cơ găm hàng; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.

Ba là, duy trì và phát triển thị trường chứng khoán theo hướng ổn định, bền vững; tăng cường tính công khai, minh bạch; tăng cường việc kiểm tra, giám sát, cưỡng chế thực thi để bảo đảm thị trường vận hành lành mạnh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nhà đầu tư.

Bốn là, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước và các bộ, ngành liên quan trong việc quản lý dòng vốn đầu tư (cả vốn đầu tư trực tiếp, gián tiếp) nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư xã hội, phòng ngừa rủi ro và duy trì ổn định các cân đối lớn của nền kinh tế. □

